TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**
Số: 205/2019/QĐST-HNGĐ	*Quận 4, ngày 14 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 153/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông N V N, sinh năm 1989

Địa chỉ: 16/6/xx Đường A , Phường B, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà T T B T, sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp G B , xã T L, huyện B Đ, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét thấy, tại biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06/5/2019, các đương sự đã thỏa thuận như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông N V N và bà T T B T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông N, bà T xác định có 01 người con chung tên N T N C, sinh ngày 26/7/2010. Ông N, bà T thỏa thuận giao người con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Hai bên đương sự xác định không có.

[4] Về lệ phí: Ông N tự nguyện nộp toàn bộ.

Xét thấy việc thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông N V N và bà T T B T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 137/2009 do UBND phường 4, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/11/2009)

- Về con chung: Giao người con chung tên N T N C, sinh ngày 26/7/2010 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi mọi mặt của người con khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Hai bên đương sự xác định không có.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000 đồng ông N, bà T phải chịu nhưng ông N tự nguyện chịu, được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí ông N đã nộp theo biên lai thu số 0024086 ngày 29/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, ông N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký tên và đóng dấu)

Trần Văn Thăng